

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHỤ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC MÔN HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Kèm theo Thông báo số: 337/TB-HV ngày 05/07/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông)

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành / Chuyên ngành phù hợp	Ngành gần và các môn học Bổ sung kiến thức		Ghi chú
				Ngành gần	Môn bổ sung kiến thức	
1	Kỹ thuật viễn thông Mã số chuyên ngành: 8.52.02.08	Kỹ thuật điện tử viễn thông	<ul style="list-style-type: none"> - Vô tuyến điện và thông tin liên lạc; - Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông (Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông); - Điện tử thông tin; - Các chuyên ngành về điện tử viễn thông, kỹ thuật thông tin, kỹ thuật viễn thông của các trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện dưới 10% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật máy tính; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật điều kiện và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Kỹ thuật điện tử; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; - Điện tử tin học; - Vật lý vô tuyến. <p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin; - Khoa học máy tính; - Truyền thông và mạng máy tính; - Kỹ thuật phần mềm; - Hệ thống thông tin; - Tin học; - Tin học ứng dụng. <p>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành</p>	<p>Nhóm 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mô phỏng hệ thống truyền thông 30 2. Kỹ thuật thông tin quang 45 3. Kỹ thuật thông tin vô tuyến 45 4. Kỹ thuật mạng truyền thông 45 <p>Nhóm 2:</p> <p><i>Ngoài 4 môn học như Nhóm 1 phải học thêm các môn sau:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lý thuyết mạch 45 2. Lý thuyết truyền tin 45 3. Tín hiệu và hệ thống 45 	

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đúng	Ngành/Chuyên ngành phù hợp	Ngành gắn và các môn học Bổ sung kiến thức			Ghi chú
				Ngành gắn	Môn bổ sung kiến thức	Số tiết	
	Hệ thống thông tin Mã số chuyên ngành: 8.48.01.04	Hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin; - Kỹ thuật phần mềm; - Truyền thông và mạng máy tính; - Tin học; - Tin học ứng dụng; - Các chuyên ngành về: Công nghệ thông tin, kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin, khoa học máy tính, truyền thông và mạng máy tính; tin học, khoa học tính toán, kỹ thuật tính toán của các trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính) của Học viện <i>dưới 10%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành. 	<p>Nhóm 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toán ứng dụng; - Sự phạm tin học; - Tin học quản lý; - Cơ tin; - Toán - Thống kê - Tin học; - Toán tin. - Hệ thống thông tin kinh tế <p>Nhóm 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Kỹ thuật điện tử viễn thông; - Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông; - Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông; - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Điện tử tin học; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật điện, điện tử; - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; - Kỹ thuật điện tử. <p>- Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên trong Nhóm 1, 2 nêu trên nhưng có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Hệ thống thông tin hoặc Khoa học máy tính) của Học viện <i>từ 10-40%</i> tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành</p>	<p>Nhóm 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở dữ liệu 45 2. Hệ điều hành 45 3. Mạng máy tính 45 4. Nhập môn công nghệ phần mềm 45 		
	Khoa học máy tính Mã số chuyên ngành: 8.48.01.01	Khoa học máy tính		<p>Nhóm 1:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật 45 2. Kiến trúc máy tính 45 			

TT	Chuyên ngành tuyển sinh	Ngành đứng	Ngành/Chuyên ngành phù hợp	Ngành gắn/khác và các môn học Bổ sung kiến thức		Số tiết	Ghi chú
				Ngành gắn	Môn bổ sung kiến thức		
	Quản trị kinh doanh Mã số chuyên ngành: 8.34.01.01	Quản trị kinh doanh	- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; - Quản trị khách sạn; - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; - Kinh doanh thương mại; - Các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh của trường đại học khác; - Hoặc các ngành/chuyên ngành đào tạo thuộc Nhóm ngành Kinh doanh, Quản trị - Quản lý theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo đại học ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành.	Nhóm 1 (Ngành gắn): - Các ngành/chuyên ngành thuộc Nhóm ngành Kinh tế học, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán theo Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT; - Hoặc các ngành/chuyên ngành có chương trình đào tạo khác với chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Học viện từ 10-40% tổng số tiết hoặc đơn vị học trình hoặc tin chỉ của khối kiến thức ngành.	Nhóm 1: 1. Marketing căn bản; 2. Quản trị học; 3. Quản trị chiến lược; 4. Quản trị sản xuất; 5. Quản trị tài chính doanh nghiệp; 6. Quản trị nhân lực.	45 45 45 45 45 45	
			Nhóm 2 (Ngành khác): Người đang làm trong công tác quản trị, quản lý và có bằng tốt nghiệp đại học không thuộc ngành đúng hoặc ngành gần nhưng liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.	Nhóm 2: <i>Ngoài 6 môn học như Nhóm 1 phải học thêm 6 môn sau:</i> 1. Kinh tế vi mô 1; 2. Kinh tế vĩ mô 1; 3. Tài chính tiền tệ; 4. Kinh tế lượng; 5. Luật kinh doanh; 6. Nguyên lý kế toán.	45 45 45 45 30 45		